

PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HỨNG THÚ HỌC KỸ NĂNG NÓI CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TIẾNG ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI

Nguyễn Thanh Tâm
Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

Tóm tắt: Nghiên cứu này điều tra các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên tại Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp với các công cụ bao gồm bảng hỏi, quan sát và phỏng vấn được sử dụng để đảm bảo độ tin cậy và tính hợp lệ của nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố này liên quan đến sinh viên, giáo viên và bầu không khí trong lớp học. Dựa trên mong muốn của sinh viên trong khảo sát, nghiên cứu cũng đề xuất một số hoạt động và kỹ thuật tạo động lực nói được áp dụng bởi giáo viên, có ý nghĩa sư phạm trong việc khuyến khích sinh viên nói tiếng Anh.

Từ khóa: yếu tố, động lực, kỹ năng nói, sinh viên không chuyên tiếng Anh

AN ANALYSIS ON FACTORS AFFECTING ENGLISH NON-MAJOR STUDENTS' MOTIVATION IN LEARNING SPEAKING SKILLS AT HANOI UNIVERSITY OF CULTURE

Nguyen Thanh Tam
Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

Abstract: This study investigates the factors which affect English non-major students' motivation in learning speaking skills at Hanoi University of Culture. A mixed-method approach with the instruments including questionnaires, observations and interviews is employed to ensure the reliability and validity of the study. The results of the study show that these factors are related to students, teachers and the atmosphere in the classroom. Based on students' desire in the survey, the research also suggests some speaking motivational activities and techniques applied by teachers which have pedagogical significance in encouraging students to speak English.

Key words: factors, motivation, speaking skills, English non-major students

Nhận bài: 09/11/2024

Phản biện: 30/11/2024

Duyệt đăng: 05/12/2024

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kỹ năng Nói tiếng Anh là một trong những kỹ năng quan trọng, góp phần không nhỏ trong việc đánh giá thành công của người học tiếng. Tuy nhiên, dù nhận thức được tầm quan trọng của việc học nói tiếng Anh, thực tế cho thấy tình trạng sinh viên không chuyên tiếng Anh tại các lớp tin chỉ ít phát biểu ý kiến trong giờ học, ngại nói trước đám đông, không dám bày tỏ quan điểm với chủ đề của bài luyện hay thờ ơ với việc học lại khá phổ biến. Thực trạng trên cho thấy việc nghiên cứu các yếu tố có ảnh hưởng đến động lực học kỹ năng nói của sinh viên không chuyên tiếng Anh là thực sự cần thiết. Nghiên cứu này tập trung phân tích tình hình học kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên và các yếu tố ảnh hưởng đến động lực luyện nói, đồng thời đưa ra các đề xuất thúc đẩy sinh viên nói tiếng Anh tích cực và tự tin hơn.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Theo Bailey (2005) thì kỹ năng Nói được định

nghĩa đơn giản là việc tạo ra các phát ngôn có hệ thống để truyền đạt nội dung. Byrne (1986) đưa ra khái niệm cụ thể hơn về Nói khi cho rằng đó là quá trình giao tiếp có tính hai chiều giữa người nói và người nghe, trong đó người nói có vai trò mã hóa thông điệp còn người nghe phải giải mã được thông điệp đó.

Byrne (1991) chia bài dạy kỹ năng nói thành 3 giai đoạn: giai đoạn thuyết trình, giai đoạn thực hành và giai đoạn sản sinh.

Giai đoạn thuyết trình: Với vai trò làm trung tâm, ở bước này, giáo viên cung cấp thông tin, truyền đạt đến người học thông điệp của ngôn ngữ mới theo cách dễ hiểu và dễ nhớ nhất. Người học cố gắng hiểu và nói rất ít.

Giai đoạn thực hành: Ở giai đoạn này, người học là người nói chủ yếu còn giáo viên chỉ đóng vai trò là người hướng dẫn, tư vấn. Việc luyện tập thường dưới dạng bài tập hoặc các hoạt động như

phỏng vấn, thuyết trình, hội thoại, v.v. giúp cải thiện kỹ năng nói cho người học.

Giai đoạn sản sinh: Người học ở khâu này được tạo nhiều cơ hội và được khuyến khích nói tiếng Anh một cách thoải mái nhất theo cá nhân, theo cặp hay theo nhóm.

Harmer (1991) coi động lực như một loại động cơ nội bộ khuyến khích ai đó theo đuổi một quá trình hành động. Brown (1994) thì cho rằng động lực là mức độ mà con người đưa ra lựa chọn về mục tiêu theo đuổi và nỗ lực hành động để đạt được mục tiêu đó.

Nghiên cứu được thực hiện với sự tham gia của 50 sinh viên không chuyên tiếng Anh năm thứ hai thuộc 1 trong số 7 lớp tin chỉ đang theo học Học phần tiếng Anh cơ sở 2 tại trường. Sinh viên được yêu cầu trả lời bảng khảo sát với mục đích chính là để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học kỹ năng nói của sinh viên, để từ đó tìm ra giải pháp giúp họ thúc đẩy động cơ học nói tiếng Anh. Câu hỏi khảo sát xoay quanh việc tìm hiểu thực trạng việc học kỹ năng nói của sinh viên không chuyên như động cơ, tầm quan trọng của việc rèn luyện kỹ năng nói, mức độ hứng thú của sinh viên đối với việc nói tiếng Anh trên lớp, các hoạt động hay kỹ thuật giảng dạy giảng viên thường xuyên sử dụng trong giờ học nói. Bên cạnh đó, quá trình quan sát lớp học và phản hồi của sinh viên từ phỏng vấn được sử dụng để cung cấp thông tin chi tiết hơn cho bài nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng việc học kỹ năng nói của sinh viên không chuyên tiếng Anh

Phản hồi của sinh viên về động cơ học nói tiếng Anh cho thấy phần nhiều sinh viên (54%) lựa chọn học kỹ năng nói là để vượt qua kỳ thi tiếng Anh chuẩn đầu ra bởi đây là kỳ thi bắt buộc trong khung chương trình đào tạo ở trường đại học. Có 18% số người học được hỏi cho biết lí do học nói tiếng Anh vì họ yêu thích bộ môn này. *'Em thích học nói tiếng Anh vì em có thể tìm hiểu, làm quen, trò chuyện, trao đổi với các bạn nước ngoài. Qua đó, em biết thêm nhiều điều thú vị về văn hóa và con người của các nước khác trên thế giới.'* Đáng chú ý có tới 28% sinh viên muốn học nói tiếng Anh vì cho rằng môn học cần thiết cho công việc trong tương lai. Một số sinh viên được phỏng vấn chia sẻ *'Em thấy nói tiếng Anh tốt thực sự rất cần thiết cho công việc sau này vì em có thể giao tiếp với các đối tác nước ngoài. Em cũng có thể sử dụng tiếng Anh khi đi du lịch hay đi công*

tác.' Tóm lại, các dữ liệu này cho thấy đa số sinh viên đã nhận thức được tầm quan trọng của việc học tốt kỹ năng nói tiếng Anh trong cuộc sống hiện đại.

Mặc dù hầu hết sinh viên đều có phản ánh tích cực đối với việc học kỹ năng nói tiếng Anh, số liệu chỉ ra thái độ của họ đối với việc học kỹ năng này chưa được như mong đợi. Có đến gần một nửa số sinh viên tham gia khảo sát (40%) có thái độ tiêu cực với việc học nói tiếng Anh. Kết quả này khá đồng nhất với dữ liệu thu được qua việc quan sát lớp học: một số sinh viên hiếm khi ghi chép hay nêu lên ý tưởng của mình, khá nhiều sinh viên không mấy hào hứng với các hoạt động giảng viên triển khai trên lớp, có sinh viên chỉ ngồi nghe, không biểu lộ cảm xúc, thậm chí có sinh viên còn tán gẫu, nói chuyện riêng.

Khi được hỏi về mức độ hứng thú với việc nói tiếng Anh trên lớp, 26 sinh viên (52%) bày tỏ mức độ quan tâm thấp hay ít quan tâm, 28% sinh viên thể hiện mức độ quan tâm bình thường. Điều này cho thấy có vẻ như những sinh viên này chỉ học nói tiếng Anh để vượt qua các kỳ thi bắt buộc. Kết quả khảo sát cũng cho biết số sinh viên thực sự hứng thú với việc học kỹ năng nói là chưa cao, khoảng 20%.

3.2. Yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học kỹ năng nói của sinh viên không chuyên tiếng Anh

Đề cập các yếu tố liên quan đến người học, số liệu thống kê từ bảng trên cho thấy có đến 86% sinh viên tán thành trình độ ngôn ngữ là nhân tố gây trở ngại lớn đến động lực học kỹ năng nói của sinh viên. Qua phỏng vấn, nhiều sinh viên thừa nhận họ ngại tham gia vào bài nói do không biết nhiều từ vựng và cấu trúc ngữ pháp liên quan đến chủ đề. Một số sinh viên bộc lộ: *'Em cảm thấy rất lo lắng trong giờ luyện nói vì không biết dùng từ và cấu trúc nào thích hợp để bày tỏ ý kiến. Em cũng rất bí ý tưởng cho chủ đề thầy cô yêu cầu.'* Ở đây, có thể thấy rằng vấn đề chính dẫn tới việc sinh viên không chuyên mất hứng thú tham gia vào giờ học nói là do thiếu vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp và kiến thức nền tảng về nội dung bài học. Bởi vậy, trong giai đoạn thuyết trình, giảng viên nên dành thời gian cho việc cung cấp từ mới và bổ sung cấu trúc ngữ pháp liên quan đến chủ đề. Ngoài ra, tâm lý sợ dùng không đúng cấu trúc câu, nói sai từ hay phát âm chưa chuẩn cũng là rào cản không nhỏ khiến cho nhiều sinh viên ngại tham gia vào giờ học nói. Số liệu cũng chỉ ra có tới 66% sinh viên sợ mắc lỗi và sợ bị chế nhạo khi

phát biểu trong giờ học. ‘Em rất sợ dùng sai từ và nói sai ngữ pháp khiến các bạn cười àm lên hay xì xào vì em’ là tâm sự của một số sinh viên khi được phỏng vấn.

Xét các yếu tố liên quan đến người dạy, bảng thống kê cho thấy 76% sinh viên tin rằng phương pháp giảng dạy chưa cuốn hút từ giảng viên sẽ khiến họ không hứng thú với giờ luyện nói. ‘Em cảm thấy rất nhàm chán khi giảng viên lặp lại hoạt động thuyết trình trong nhiều tuần liền’ hay ‘Em đã rất hào hứng tham gia vào giờ học khi thầy cô sử dụng nhiều hoạt động giao tiếp sinh động, hấp dẫn’ là ý kiến của một số sinh viên khi trả lời phỏng vấn. Ngoài ra, 61% số sinh viên được khảo sát cho rằng sự nhiệt tình của giảng viên có ảnh hưởng rất lớn đến việc sinh viên hứng thú tham gia vào bài học. Một số sinh viên được hỏi cho biết khi thầy cô nhiệt tình, cởi mở và thân thiện trong giờ, sinh viên thấy ham học hơn, tích cực tương tác hơn. Ngược lại, sự thiếu nhiệt tình của giảng viên sẽ làm họ ngại trao đổi, không dám bày tỏ quan điểm, sợ đưa ra câu hỏi hay thắc mắc. Số liệu cũng thể hiện 68% sinh viên đồng ý khả năng giảng viên quản lý giờ học có tác động không nhỏ tới hứng thú tham gia vào bài học của sinh viên.

Môi trường học tập gồm không khí lớp học và sự chiếm ưu thế của bạn học cũng ảnh hưởng khá lớn đến động lực học nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên, với tỉ lệ lựa chọn lần lượt là 74% và 58%. Nhiều sinh viên chia sẻ cảm giác lo lắng, sợ hãi, thiếu tự tin khi làm việc theo cặp hay nhóm với các bạn nói khá và giỏi trong lớp. ‘Một vài bạn trong nhóm em nói rất nhiều, làm hết mọi việc. Em không biết nói gì, không biết làm gì, chỉ ngồi nghe nên cảm thấy giờ học nói khá nhàm chán’ là bộc bạch của một số sinh viên được phỏng vấn. Ngoài ra, sinh viên cũng khẳng định lớp học ồn ào, không khí học tập căng thẳng khiến họ thấy mệt mỏi và rất khó chịu.

3.3. Hoạt động được yêu thích trong giờ học nói

Bảng trên được thiết lập nhằm khảo sát ý kiến của sinh viên về các hoạt động thúc đẩy họ tham gia tích cực hơn trong giờ học nói tiếng Anh. Số liệu cho thấy chơi trò chơi (90%) và miêu tả tranh (80%) là hai hoạt động được sinh viên yêu thích nhất. Tiếp theo là hoạt động thực hành hội thoại theo mẫu, sắm vai, thảo luận nhóm với tỉ lệ được lựa chọn lần lượt là 76%, 70% và 66%. Điều này hoàn toàn dễ hiểu bởi các hoạt động này có điểm chung là sử dụng hình ảnh và mẫu liên quan để ghi nhớ và thực hành còn trò chơi hay thảo luận nhóm

giúp mang lại tâm lý thoải mái, tự tin cho người học, giúp họ dễ dàng tiếp thu ngôn ngữ hơn. Các hoạt động còn lại như thuyết trình (54%), phỏng vấn (50%), kể chuyện (40%) kích thích sự phát triển kỹ năng nói, kỹ năng đặt vấn đề và giải quyết vấn đề cùng tư duy phản biện nhưng số lượng sinh viên quan tâm còn chưa nhiều. Nguyên nhân được giải thích có lẽ là do các loại hình này đòi hỏi sinh viên phải có kiến thức nền tảng cùng vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh khá phong phú.

3.4. Đề xuất giải pháp giúp tạo hứng thú cho sinh viên không chuyên tiếng Anh học kỹ năng nói

Thứ nhất, cá nhân hóa các chủ đề trong bài dạy nói

Trước hết, nhằm giảm thiểu khoảng cách giữa phương pháp giảng dạy của giảng viên và sự mong đợi của sinh viên trong việc học kỹ năng nói, giảng viên cần nắm được sở thích và mong muốn của họ. Tùy theo nội dung và yêu cầu của chương trình đào tạo, giảng viên có thể sử dụng phương pháp cá nhân hóa trong giảng dạy kỹ năng nói cho sinh viên bằng cách tạo ra những chủ đề nói thú vị và liên quan trực tiếp đến thực tế cuộc sống hay những chủ đề được giới trẻ quan tâm như tình bạn, tình yêu, công nghệ, môi trường, số hóa, âm nhạc, thể thao, v.v. Thực tiễn cho thấy, việc cá nhân hóa các nội dung trong bài học nói giúp sinh viên có nhiều ý tưởng thiết thực hơn, có vốn từ vựng tốt hơn và có nhiều nguồn tài liệu tham khảo hơn. Đặc biệt, sinh viên sẽ có thể khai thác kiến thức nền của mình hiệu quả hơn và có ít vấn đề ngữ pháp hơn khi được nói về các chủ đề ưa thích hay liên quan đến họ.

Thứ hai, đưa ra chỉ dẫn và yêu cầu rõ ràng cho từng hoạt động: Ở trên, khi trả lời phỏng vấn, không ít sinh viên chia sẻ trải nghiệm thiếu nhiều từ vựng hay cấu trúc ngữ pháp liên quan đến chủ đề của các bài học nói. Nhiều sinh viên cũng thừa nhận không biết cách tiến hành công việc được giao ra sao. Do vậy, giảng viên cần đưa ra hướng dẫn cụ thể và yêu cầu rõ ràng cho từng nhiệm vụ, từng hoạt động trong bài dạy nói để đảm bảo rằng sinh viên hiểu công việc mình phải làm và có thể phối hợp với các thành viên khác. Ngoài ra, trong giai đoạn thuyết trình, giảng viên cần cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ liên quan về từ vựng, ngữ pháp, gợi ý một vài cách khai thác chủ đề, hướng dẫn sinh viên cách triển khai các hoạt động trong giờ học nói như phỏng vấn, kể chuyện, thuyết trình, thảo luận, v.v.

Thứ ba, tạo không khí học tập vui vẻ, hợp tác:

Giảng viên cần thiết tạo ra môi trường học tập thân thiện và hỗ trợ trong các giờ luyện kỹ năng nói. Không thể phủ nhận rằng không khí lớp học vui vẻ, hợp tác, trong đó sinh viên thường xuyên nhận được sự giúp đỡ tích cực từ giảng viên và các thành viên khác sẽ khuyến khích họ tự tin khi bày tỏ quan điểm, không cảm thấy e ngại, xấu hổ khi mắc lỗi. Từ đó, sinh viên sẽ tham gia học tập hiệu quả hơn trong các giờ luyện nói. Ngoài ra, để tránh sự nhàm chán và mệt mỏi của sinh viên trong các buổi học nói, giảng viên nên thường xuyên đa dạng hóa các hoạt động nói trong những giai đoạn khác nhau của bài học như đóng vai, phỏng vấn, chơi trò chơi, miêu tả tranh, thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành hội thoại theo hướng dẫn, kể chuyện, v.v. Những hoạt động này có thể được thực hiện ở bất cứ khâu nào trong bài học. Tuy nhiên, trên thực tế, chơi trò chơi và sử dụng giáo cụ trực quan đem lại nhiều lợi ích hơn khi được áp dụng ở bước đầu của buổi học, giúp tạo không khí thú vị và thư giãn, kích thích động lực nói cho sinh viên. Mặt khác, các hoạt động như đóng vai, thực hành hội thoại hay phỏng vấn thực sự có lợi cho việc nâng cao khả năng ngôn ngữ ở các giai đoạn sau của giờ luyện nói.

Thứ tư, thường xuyên đa dạng hóa các hình thức sinh viên làm việc: Nhằm thay đổi vai trò của người học trong từng hoạt động, tùy theo chủ đề bài nói, giảng viên có thể liên tục thay đổi các hình thức làm việc khác nhau cho sinh viên như tham gia cá nhân, theo cặp, theo nhóm. Theo hình thức cá nhân, sinh viên không chỉ có thể phát triển tính độc lập và tư duy phân biện mà còn có thêm

thời gian để suy nghĩ và sắp xếp ý tưởng cẩn thận trước khi phát biểu. Mặt khác, khi làm việc theo nhóm hay theo cặp, sinh viên lại có nhiều cơ hội để chia sẻ ý tưởng, kiến thức ngôn ngữ như từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. Hơn nữa, sinh viên có thể tự sửa lỗi cho nhau và đặc biệt, nhiều ý tưởng sẽ giúp họ có thể tiếp cận và triển khai vấn đề theo những cách mới lạ và độc đáo.

Thứ năm, có hình thức phù hợp đánh giá mức độ xây dựng bài của sinh viên: Giảng viên cũng cần có hình thức cụ thể giúp đánh giá việc tham gia của sinh viên trong các giờ học nói như khen ngợi, tặng thưởng, cho điểm để khuyến khích sinh viên tham gia tích cực và có thể xử phạt sinh viên lười biếng hay thụ động bằng việc trừ điểm Participation- điểm tham gia bài học. Như thế, sinh viên sẽ có động cơ làm tốt nhiệm vụ của mình và các nhóm biết nhắc nhở, khuyến khích, giúp đỡ nhau cùng cố gắng.

IV. KẾT LUẬN

Từ việc phân tích dữ liệu thu thập được có thể khẳng định các yếu tố tác động đến hứng thú học kỹ năng nói của sinh viên không chuyên tiếng Anh liên quan đến cả người học và người dạy cùng điều kiện môi trường học tập. Nghiên cứu cũng cho thấy tỉ lệ cao sinh viên muốn giảng viên đa dạng hóa các hoạt động trong giờ luyện nói sao cho phù hợp với các đối tượng sinh viên ở trình độ khác nhau phát triển kỹ năng nói. Do vậy, nghiên cứu đưa ra một vài giải pháp nhằm thúc đẩy động lực nội tại của sinh viên, giúp họ nâng cao hiệu quả việc học các kỹ năng ngôn ngữ nói chung và kỹ năng nói tiếng Anh nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bailey (2005). *Practical English Language Teaching: Speaking*. McGraw-Hill Companies, Inc.
 Brown (1994). *Teaching by Principles: An Interactive Approach to Language Pedagogy*. Prentice Hall Regents Prentice-Hall, Inc.
 Byrne (1986). *Teaching Oral English*. Longman Group UK Limited.
 Byrne (1991). *Techniques for Classroom Interaction*. London: Longman.
 Harmer (1991). *The Practice of English Language Teaching*. London: Longman.